

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 52 34 02 01

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 52 34 02 01

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	3
1.1. Mục tiêu chung.....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra	3
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	3
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng	3
1.2.3. Yêu cầu về thái độ	4
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp	4
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	4
1.5. Các chương trình đã tham khảo	5
1.5.1. Các chương trình trong nước	5
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	5
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	6
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	6
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo	6
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	6
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	6
2.2. Khung chương trình đào tạo	7
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có).....	9
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ	9
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (không có)	11
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN.....	12
MARKETING CĂN BẢN.....	13
KINH TẾ LƯỢNG.....	17
QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN.....	21
KINH TẾ VI MÔ	25
KINH TẾ VĨ MÔ	29
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ.....	35
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1	39
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH.....	42
TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	46
PHÂN TÍCH & ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH.....	50
THANH TOÁN QUỐC TẾ	53
PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	57
QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH.....	60

KINH DOANH NGOẠI HỐI	63
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2	67
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	71
THIẾT LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	75
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	79
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....	91
TÀI CHÍNH CÔNG	95
THUẾ	98
THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG.....	103
HỆ THỐNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH	107
HỆ THỐNG THÔNG TIN NGÂN HÀNG	110
QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ	113
QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	117
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU.....	120
MARKETING NGÂN HÀNG.....	124
TÀI CHÍNH HÀNH VI.....	128
TÀI CHÍNH VI MÔ.....	132
PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG TRONG TÀI CHÍNH	136
KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	140
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	145
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP.....	150
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP.....	153
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG	156
KHAI BÁO THUẾ.....	159
ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	162

PHẦN 1

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn vững vàng, nắm vững những kiến thức cơ bản về Kinh tế - Xã hội, Tài chính và Kế toán; có năng lực nghiên cứu, tổ chức và giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế nói chung và Tài chính - Ngân hàng nói riêng. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận tốt công việc ở các bộ phận trong các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt tại công ty cổ phần, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

- Kiến thức chuyên ngành

CTĐT cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng về hoạt động của nền kinh tế nói chung và sâu về hoạt động của thị trường tài chính và tài chính của một công ty và ngân hàng nói riêng. Sinh viên học xong chương trình này có kiến thức và am hiểu vĩ mô về hoạt động của nền kinh tế, đồng thời cũng có kiến thức và am hiểu vi mô về hoạt động của thị trường tài chính và tài chính của doanh nghiệp. Trên nền tảng kiến thức đó, sinh viên có thể vận dụng vào việc xử lý và hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao và học tập lên các bậc học cao hơn sau này. Cụ thể, sinh viên được trang bị những kiến thức nền tảng sau đây:

- Kiến thức về nghiệp vụ chuyên môn tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kế toán, phân tích tài chính, tài chính công.
- Kiến thức về nghiệp vụ chuyên môn ngân hàng: nghiệp vụ ngân hàng, kế toán ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh chứng khoán và các nghiệp vụ về quản lý Tài chính - Ngân hàng trong các tổ chức khác (tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước...).

- Kiến thức bổ trợ

Kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và kiến thức về các nghiệp vụ bổ trợ như: Kế toán doanh nghiệp, luật doanh nghiệp, luật ngân hàng, luật chứng khoán; giúp cho người học có khả năng chuyển đổi linh hoạt ngành nghề khi cần thiết.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có khả năng hoạch định, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong quản trị tài chính các doanh nghiệp, thẩm định dự án, kinh doanh chứng khoán và đầu tư tài chính ở các tổ chức tài chính (quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm...).

- Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ tín dụng, kế toán, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ trong các ngân hàng.

- Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ trong các tổ chức tài chính khác như: thuế, kho bạc, hải quan và các nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp.

- Có khả năng sử dụng phần mềm tin học để xử lý các bài toán tài chính phục vụ cho việc quản lý tài chính.

- Có kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải;

- Có kỹ năng làm việc hợp tác theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Có ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước

- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động cao

- Có đạo đức nghề nghiệp

- Yêu ngành, yêu nghề

- Có tinh thần cầu tiến, luôn học tập nâng cao kiến thức

- Có ý thức làm việc nhóm

- Có ý thức phục vụ xã hội, phục vụ cộng đồng.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Với kiến thức, năng lực chuyên môn đã được trang bị trong suốt 4 năm học, sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc cho các ngân hàng, các loại hình doanh nghiệp hoặc các tổ chức tài chính phi ngân hàng ở những vị trí làm việc sau:

- Chuyên viên tài chính, phân tích tài chính trong các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính (quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm).

- Nhân viên tín dụng, kế toán, kế toán viên phòng thanh toán quốc tế, chuyên viên kinh doanh ngoại hối trong các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, các cơ quan quản lý Nhà nước về Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Mục tiêu của CTĐT không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp mà còn cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên có thể học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. Sau khi hoàn tất chương trình này, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước thuộc ngành đào tạo, hoặc các ngành khác có liên quan đến kinh tế tài chính.

1.5. Các chương trình đã tham khảo

1.5.1. Các chương trình trong nước

- Chương trình trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- Chương trình trường Đại học Kinh tế - Luật.
- Chương trình trường Đại học Ngân hàng.
- Chương trình trường Đại học Mở.

1.5.2. Các chương trình nước ngoài

- Chương trình trường Northwood University.
- Chương trình trường Texas A&M University.
- Chương trình trường Michigan Tech.
- Chương trình trường California State University, Long Beach.
- Chương trình trường California State University, Fullerton.
- Chương trình trường Texas Tech University.

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Trần Đình Phụng

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **150** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **34** tín chỉ (bắt buộc: 34 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **66** tín chỉ (bắt buộc: 51 tín chỉ; tự chọn: 15 tín chỉ);
- Thực tập nghề nghiệp: **5** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **8** tín chỉ

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

Không có.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I	Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 19/19 tín chỉ									
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
5	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
6	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101
7	GD quốc phòng – AN (I)	862106	3	45				45	1	861003
8	GD quốc phòng – AN (II)	862107	2	30				30	1	
9	GD quốc phòng – AN (III)	862108	3				45	45	1	
10	Tiếng Anh (I)	866101	2	30				30	1	Điểm KS ≥ 50
11	Tiếng Anh (II)	866102	2	30				30	1	866101
12	Tiếng Anh (III)	866103	3	45				45	1	866102
13	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
	Tự chọn: 00/19 tín chỉ									
II	Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 34/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 34/34 tín chỉ									
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2	30				30	1	
15	Xác suất thống kê A	864001	3	45				45	1	
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	867001	3	45				45	1	864001
17	Nguyên lý kế toán	867002	3	45				45	1	
18	Luật kinh tế	867003	3	45				45	1	865006
19	Quy hoạch tuyến tính	867006	2	30				30	1	
20	Toán cao cấp C1	867007	3	45				45	1	
21	Toán cao cấp C2	867008	2	30				30	1	
22	Marketing căn bản	832301	2	30				30	1	832105
23	Kinh tế lượng	832006	3	30	10	5		45	1	864001
24	Quản trị học căn bản	832024	2	30				30	1	
25	Kinh tế vi mô	832105	3	30	10	5		45	1	
26	Kinh tế vĩ mô	832106	3	45				45	1	832105
	Tự chọn: 00/34 tín chỉ									
III	Khối kiến thức ngành: 66/132 tín chỉ									
	Bắt buộc: 51/66 tín chỉ									
27	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	832107	3	45				45	1	832105
28	Tài chính doanh nghiệp 1	832058	3	45				45	1	832107
29	Thị trường tài chính	832033	3	45				45	1	832107

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
30	Tài chính quốc tế	842056	3	45				45	1	832033
31	Phân tích và đầu tư tài chính	842054	3	45				45	1	832033 832058
32	Thanh toán quốc tế	832065	3	45				45	1	832061
33	Phân tích báo cáo tài chính DN	842062	3	45				45	1	842301
34	Quản trị rủi ro tài chính	842059	3	45				45	1	832059
35	Kinh doanh ngoại hối	842112	3	45				45	1	832061
36	Tài chính doanh nghiệp 2	832059	3	45				45	1	832058
37	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	832061	3	45				45	1	832107
38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	842111	3	45				45	1	832058
39	Tiếng Anh chuyên ngành TC - NH	842025	3	45				45	1	866102
40	Kế toán tài chính	842301	3	45				45	1	867002
41	Tài chính công	832113	3	45				45	1	832107
42	Thuế	832026	3	45				45	1	
43	Thẩm định tín dụng	842055	3	45				45	1	832061 832058
Tự chọn: 15/66 tín chỉ										
Nhóm 1			3/6							
44	Hệ thống thông tin tài chính	842008	3	45				45	1	832058
45	Hệ thống thông tin ngân hàng	842009	3	45				45	1	832061
Nhóm 2			3/6							
46	Quản trị danh mục đầu tư	842109	3	45				45	1	842054
47	Quản trị ngân hàng thương mại	842061	3	45				45	1	832061
Nhóm 3			3/6							
48	Kinh doanh xuất nhập khẩu	842113	3	45				45	1	832065 842025
49	Marketing ngân hàng	842051	3	45				45	1	832301
Nhóm 4			3/9							
50	Tài chính hành vi	842302	3	45				45	1	832033
51	Tài chính vi mô	842303	3	45				45	1	832107
52	Phương pháp định lượng trong TC-NH	842304	3	45				45	1	864001 832107
Nhóm 5			3/6							
53	Kế toán ngân hàng thương mại	832112	3	45				45	1	867002 832061
54	Kế toán quản trị	842110	3	45				45	1	867002
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 00/132 tín chỉ									
	Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3									

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng	Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thảo luận	Cộng				
				Lí thuyết	Bài tập							
V	Thực tập: 5/132 tín chỉ											
55	Thực tập tốt nghiệp	842398	5								832059 832061	
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ											
56	Khóa luận tốt nghiệp	842399	8									
	Các học phần thay thế KLTN		8									
57	Nghiệp vụ Ngân hàng trung ương	842305	3	45	0	0	0	45	1	842061		
58	Khai báo thuế	842117	2	45	0	0	0	45	1	832026		
59	Định giá tài sản	842118	3	45	0	0	0	45	1	842059		
	Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy		132 tín chỉ/ 150 tín chỉ									

2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có)

2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Khối kiến thức chung: 19 /132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 19/19 tín chỉ											
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	X								
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		X							
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			X						
4	Giáo dục thể chất (I)	862101	1		X							
5	Giáo dục thể chất (II)	862102	1			X						
6	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				X					
7	GD Quốc phòng – An ninh (I)	862106	3	X								
8	GD Quốc phòng – An ninh (II)	862107	2			X						
9	GD Quốc phòng – An ninh (III)	862108	3	X								
10	Tiếng Anh I	866101	2		X							
11	Tiếng Anh II	866102	2			X						
12	Tiếng Anh III	866103	3				X					
13	Pháp luật đại cương	865006	2	X								
	Tự chọn: 00/19 tín chỉ											
II	Khối kiến thức cơ sở: 34/132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 34/34 tín chỉ											
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2			X						
15	Xác suất thống kê A	864001	3	X								
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	867001	3			X						
17	Nguyên lý kế toán	867002	3	X								
18	Luật kinh tế	867003	3			X						

19	Quy hoạch tuyển tính	867006	2		X									
20	Toán cao cấp C1	867007	3	X										
21	Toán cao cấp C2	867008	2		X									
22	Marketing căn bản	832301	2		X									
23	Kinh tế lượng	832006	3			X								
24	Quản trị học căn bản	832024	2		X									
25	Kinh tế vi mô	832105	3	X										
26	Kinh tế vĩ mô	832106	3		X									
Tự chọn: 00/34 tín chỉ														
III Khối kiến thức ngành: 48/132 tín chỉ														
Bắt buộc: 39/48 tín chỉ														
27	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	832107	3		X									
28	Tài chính doanh nghiệp 1	832058	3				X							
29	Thị trường tài chính	832033	3			X								
30	Tài chính quốc tế	842056	3							X				
31	Phân tích và đầu tư tài chính	842054	3							X				
32	Thanh toán quốc tế	832065	3							X				
33	Phân tích báo cáo tài chính DN	842062	3								X			
34	Quản trị rủi ro tài chính	842059	3								X			
35	Kinh doanh ngoại hối	842112	3							X				
36	Tài chính doanh nghiệp 2	832059	3					X						
37	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	832061	3				X							
38	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	842111	3					X						
39	Tiếng Anh chuyên ngành TC – NH	842025	3					X						
40	Kế toán tài chính	842301	3				X							
41	Tài chính công	832113	3					X						
42	Thuế	832026	3				X							
43	Thẩm định tín dụng	842055	3					X						
Tự chọn: 15/48 tín chỉ														
Nhóm 1 (3/48 tín chỉ)			3/6											
44	Hệ thống thông tin tài chính	842008	3					X						
45	Hệ thống thông tin ngân hàng	842009	3					X						
Nhóm 2 (3/48 tín chỉ)			3/6											
46	Quản trị danh mục đầu tư	842109	3								X			
47	Quản trị ngân hàng thương mại	842061	3								X			
Nhóm 3 (3/48 tín chỉ)			3/6											
48	Kinh doanh xuất nhập khẩu	842113	3								X			
49	Marketing ngân hàng	842051	3								X			
Nhóm 4 (3/48 tín chỉ)			3/9											
50	Tài chính hành vi	842302	3				X							
51	Tài chính vi mô	842303	3				X							

52	Phương pháp định lượng trong TC-NH	842304	3				X						
	Nhóm 5 (3/48 tín chỉ)		3/6										
53	Kế toán NHTM	832112	3					X					
54	Kế toán quản trị	842110	3					X					
IV	Thực tập: 5/132 tín chỉ												
55	Thực tập tốt nghiệp		5									X	
V	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ												
56	Khóa luận tốt nghiệp		8									X	
	Các học phần thay thế khóa luận												
	• Bắt buộc: 8/8 tín chỉ												
57	Nghiệp vụ Ngân hàng trung ương	842305	3									X	
58	Khai báo thuế	842117	2									X	
59	Định giá tài sản	842118	3									X	
	• Tự chọn: 0/8 tín chỉ												
<i>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy:</i>			<i>132 tín chỉ/ 132 tín chỉ</i>										

2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (không có)

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Trần Đình Phụng